

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,635.46 điểm, tăng hơn 4 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/18 ngành tăng điểm, cho thấy dòng tiền tập trung vào một số mã cụ thể trong từng ngành. Ngành Bán lẻ, Tài nguyên cơ bản dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính, Bảo hiểm,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, UPCOM và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong những phiên giao dịch tới, VN-Index có thể sẽ tiếp tục giao dịch phía trên ngưỡng 1,625 và tạo nền tại đây. Thị trường còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 411IG6000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 14/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+4.02** điểm, đóng cửa tại **1635.46** điểm. HNX-Index **+1.32** điểm, đóng cửa tại **267.61** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCX (+0.70)**, **LPB (+0.68)**, **HPG (+0.61)**, **VHM (+0.56)**, **VNM (+0.48)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.36)**, **VPL (-0.36)**, **MSN (-0.34)**, **STB (-0.27)**, **ACB (-0.17)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,201** tỷ đồng, giảm **-6.94%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,856 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 15.32 điểm. Thị trường có **153** mã tăng, 63 mã tham chiếu, **138** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-672.43** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-210.61 tỷ)**, **VCI (-177.49 tỷ)**, **VIC (-145.50 tỷ)**, **HDB (-106.73 tỷ)**, **SSI (-79.66 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **43.94** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.09%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVS (+1.73%) [\(Link báo cáo\)](#)
MWG (+1.62%) [\(Link báo cáo\)](#)
VNM (+1.62%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.59%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDG (+4.64%) [\(Link báo cáo\)](#)
IDC (+2.40%) [\(Link báo cáo\)](#)
TCM (+2.30%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.09%	0.59%	0.25%	0.39%
1 tuần	2.77%	2.74%	2.27%	2.57%
1 tháng	-1.89%	-4.28%	-6.97%	-6.87%
3 tháng	-2.69%	-6.05%	0.33%	4.95%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,635.46	267.61	120.09
% 1D	0.25%	0.50%	0.04%
GTKL (tỷ VND)	18,201	1,543	518
%1D	-6.94%	-14.20%	-49.48%
GDNN (tỷ VND)	-672.43	43.94	-43.78

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	308.74	STB	-210.61
HPG	194.04	VCI	-177.49
FPT	84.55	VIC	-145.50
HAG	57.87	HDB	-106.73
PVD	52.97	SSI	-79.66

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

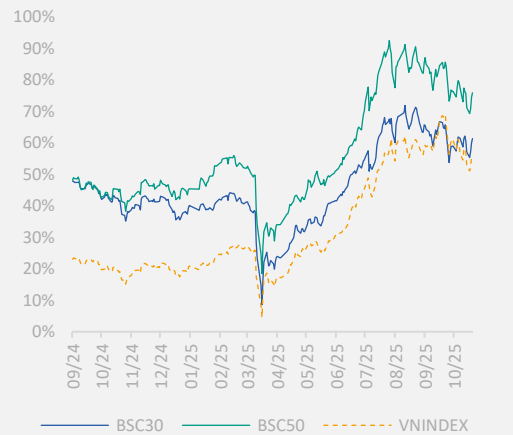
		%D	%W
SPX	6,737	-1.66%	0.26%
FTSE100	9,686	-1.24%	0.04%
Eurostoxx	5,691	-1.37%	2.06%
Shanghai	3,990	-0.97%	-0.18%
Nikkei	50,377	-1.76%	0.20%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.03	1.62%
Giá vàng	4,171	-0.40%
Tỷ giá		
USD/VND	26,378	-0.01%
EUR/VND	31,445	0.45%
JPY/VND	175	0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	-0.01%
LS LNH 1M	6.3%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

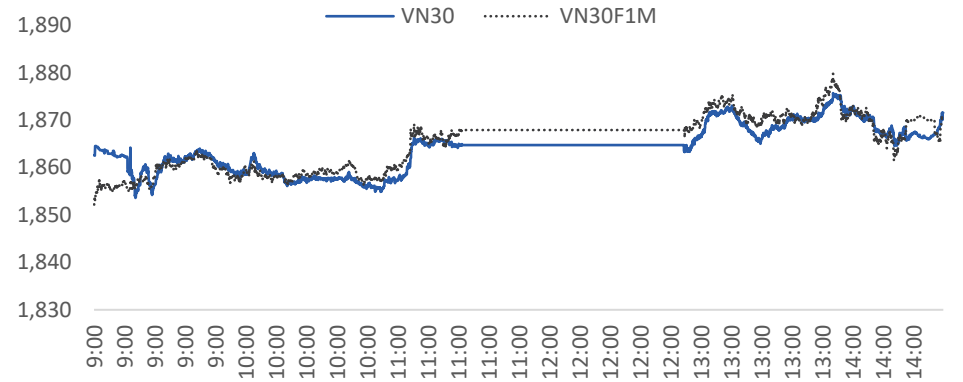
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1869.70	0.36%	235,927	-20.0%	20/11/2025	6
41I1G6000	1852.50	-0.26%	11	-74.4%	18/06/2026	216
VN30F2512	1865.00	0.54%	1,116	-5.9%	18/12/2025	34
41I1G3000	1864.90	1.05%	48	-25.00%	19/03/2026	125

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +7.31 điểm, đóng cửa tại 1871.54 điểm. Biên độ dao động 22.11 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HPG, MWG, LPB, VNM tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 tăng nhẹ; thanh khoản duy trì ở mức thấp cho thấy xu hướng vẫn chưa rõ ràng. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G6000. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIB2505	15/12/2025	31	116,400	8.62%	16.69	1,940	57.7%	1.13	20.09	18.50	18.50
CMWG2521	25/03/2026	131	57,500	19.90%	91.00	1,320	32.0%	0.75	97.60	81.40	81.40
CSHB2512	25/12/2025	41	13,300	33.49%	20.35	740	27.6%	0.03	21.83	16.35	16.35
CHPG2514	19/11/2025	5	1,127,600	-0.12%	26.37	150	25.0%	0.23	26.87	26.90	26.90
CVNM2516	3/12/2025	19	397,000	1.44%	61.18	330	22.2%	0.31	63.70	62.80	62.80
CVNM2513	15/12/2025	31	2,347,200	0.56%	58.17	1,080	18.7%	1.10	63.15	62.80	62.80
CMWG2517	25/05/2026	192	1,100	14.24%	76.40	1,870	15.4%	1.32	92.99	81.40	81.40
CVRE2509	19/11/2025	5	500	2.79%	21.56	2,860	15.3%	2.64	33.00	32.10	32.10
CMWG2518	23/07/2026	251	1,000	22.51%	82.61	2,480	13.8%	1.44	99.72	81.40	81.40
CMWG2508	23/02/2026	101	26,700	5.85%	71.96	1,440	12.5%	1.24	86.16	81.40	81.40
CVNM2510	12/01/2026	59	129,200	2.74%	56.32	1,110	12.1%	0.97	64.52	62.80	62.80
CMWG2513	15/12/2025	31	624,500	0.76%	66.05	3,240	11.7%	3.18	82.02	81.40	81.40
CVNM2519	4/05/2026	171	430,100	17.06%	65.96	790	9.7%	0.33	73.51	62.80	62.80
CMWG2523	9/03/2026	115	134,500	8.26%	74.60	3,380	9.0%	2.69	88.12	81.40	81.40
CMWG2514	23/12/2025	39	10,500	0.52%	63.09	3,800	8.9%	3.79	81.82	81.40	81.40
CVNM2518	3/04/2026	140	234,700	14.95%	65.11	740	8.8%	0.31	72.19	62.80	62.80
CLPB2501	15/12/2025	31	111,100	-0.41%	36.33	2,870	8.7%	2.95	49.70	49.90	49.90
CMWG2504	26/03/2026	132	112,400	3.37%	65.06	3,870	8.7%	3.73	84.14	81.40	81.40
CVNM2514	23/01/2026	70	246,200	2.30%	53.54	1,400	8.5%	1.29	64.24	62.80	62.80
CMWG2519	20/05/2026	187	205,600	9.52%	75.00	2,830	8.4%	2.49	89.15	81.40	81.40

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***:

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 14/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVIB2505 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 57.72%. CVNM2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.59%.
 - CVHM2521, CVHM2524, CVRE2526, CVHM2523, CVRE2525 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCX	44.10	3.04%	0.70	2.31
LPB	49.90	2.04%	0.68	2.99
HPG	26.90	1.32%	0.61	7.68
VHM	93.90	0.64%	0.56	4.11
VNM	62.80	1.62%	0.48	2.09

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	90.00	3.69%	0.46	0.23
HUT	18.30	2.23%	0.26	1.07
IDC	42.70	2.40%	0.23	0.38
MBS	30.10	1.69%	0.18	0.59
PVS	35.20	1.73%	0.17	0.48

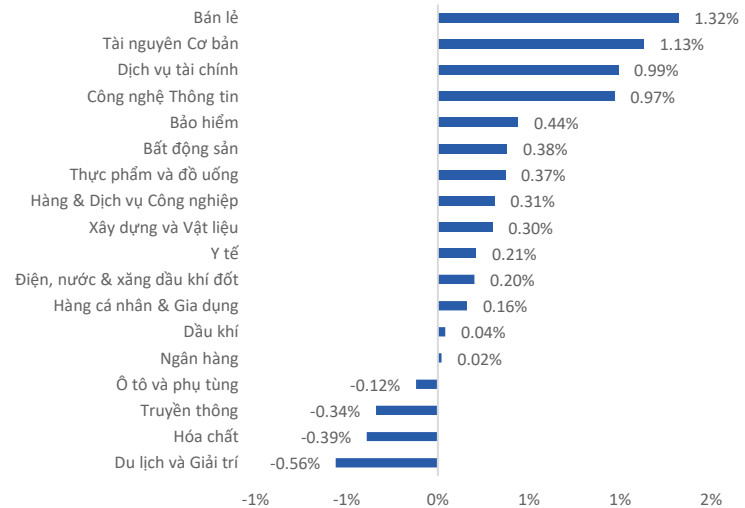
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HID	5.35	7.00%	0.01	1.68
HAG	17.65	6.97%	0.35	38.27
VDP	48.85	6.89%	0.02	0.00
C32	25.00	6.84%	0.01	0.17
NVL	14.15	6.79%	0.44	22.46

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTC	27.20	9.68%	0.15	0.00
HKT	15.60	8.33%	0.15	0.00
ATS	27.50	8.27%	0.03	0.00
AMC	21.00	8.25%	0.02	0.00
SDA	2.70	8.00%	0.02	0.06

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	48.55	-0.61%	-0.36	5.37
VPL	72.00	-1.23%	-0.36	1.79
MSN	78.00	-1.27%	-0.34	1.52
STB	48.05	-1.33%	-0.27	1.89
ACB	24.95	-0.60%	-0.17	5.14

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	81.40	-1.93%	-0.83	0.90
DTK	11.50	-1.71%	-0.08	0.68
NVB	13.80	-0.72%	-0.07	1.17
PTI	41.00	-1.44%	-0.04	0.12
THD	31.50	-0.32%	-0.02	0.38

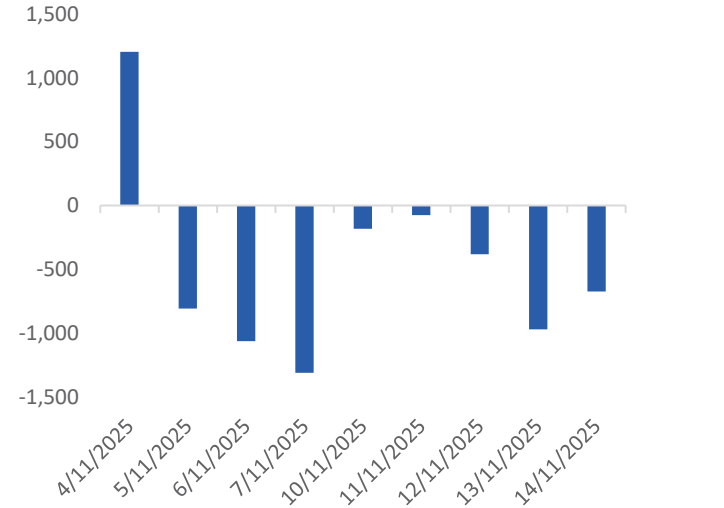
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CCI	25.60	-6.91%	-0.01	0.00
SFC	21.70	-6.47%	0.00	0.00
DAT	8.62	-6.30%	-0.01	0.01
CVT	25.80	-5.49%	-0.01	0.03
BTT	37.50	-5.06%	-0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TKU	13.30	-8.90%	-0.19	0.00
CAN	28.70	-8.31%	-0.04	0.00
GKM	2.60	-7.14%	-0.02	1.14
PHN	61.60	-6.67%	-0.10	0.00
VC6	33.00	-5.98%	-0.07	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	81.4	1.6%	1.3	120,346	352.6	3,955	20.6	100,800	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	33.6	0.2%	1.6	31,643	72.8	1,872	18.0	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	34.7	0.6%	1.1	38,885	125.1	857	40.4	39,900	27.3%	Link
PDR	Bất động sản	22.2	0.9%	1.7	21,752	159.1	211	105.2	28,200	8.9%	Link
VHM	Bất động sản	93.9	0.6%	1.3	385,686	305.1	6,133	15.3	119,600	9.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	100.0	1.1%	0.8	170,351	624.0	5,280	18.9	118,700	38.2%	Link
BSR	Dầu khí	16.0	-0.3%	0.0	80,117	49.5	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	35.2	1.7%	1.3	16,824	258.9	3,040	11.6	42,800	11.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.6	-0.4%	1.4	24,407	161.8	1,422	15.9		35.1%	
SSI	Dịch vụ tài chính	35.0	0.0%	1.5	72,553	687.5	1,882	18.6		32.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.8	-1.1%	1.3	25,833	505.4	1,589	22.5		20.2%	
DCM	Hóa chất	34.4	-0.9%	1.1	18,211	39.9	3,578	9.6	47,300	4.5%	Link
DGC	Hóa chất	99.4	-0.6%	1.0	37,750	440.3	8,296	12.0	109,300	11.7%	Link
ACB	Ngân hàng	25.0	-0.6%	0.9	128,160	191.4	3,385	7.4	28,400	29.4%	Link
BID	Ngân hàng	38.4	0.1%	0.9	269,269	85.8	3,781	10.1	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	48.6	-0.6%	1.1	260,713	319.8	6,208	7.8	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	29.9	-0.3%	1.3	115,204	842.3	3,671	8.1	30,800	23.9%	Link
MBB	Ngân hàng	23.5	0.0%	1.1	189,292	389.7	3,017	7.8	29,300	20.6%	Link
MSB	Ngân hàng	12.1	-0.4%	1.1	37,596	58.6	1,729	7.0	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	48.1	-1.3%	1.0	90,585	792.5	6,519	7.4		16.1%	
TCB	Ngân hàng	35.1	0.0%	1.2	248,727	196.6	3,112	11.3	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.0	0.0%	1.1	47,020	73.0	2,358	7.2	-	24.2%	Link
VCB	Ngân hàng	60.0	0.3%	0.7	501,341	152.5	4,202	14.3	73,200	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.5	-0.3%	1.0	62,974	47.7	2,225	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	27.8	0.2%	1.3	220,563	332.9	2,603	10.7	35,650	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.9	1.3%	1.1	206,470	805.2	1,876	14.3	33,170	18.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.1	0.0%	1.4	10,588	53.8	1,178	14.5	19,800	5.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.2	0.4%	0.9	10,064	75.2	4,150	6.3	31,700	2.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	78.0	-1.3%	1.2	112,781	408.5	2,196	35.5	92,700	23.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.8	1.6%	0.6	131,249	637.2	4,160	15.1	64,500	49.4%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.0	1.40%	1.1	8,836	23.2	2,412	16.6	20.0%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	146.0	0.62%	0.9	24,864	30.3	3,620	40.3	32.5%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	55.3	0.64%	0.9	41,050	29.4	3,594	15.4	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.5	2.25%	1.3	16,287	243.4	516	39.7	4.4%	4.4%	
DXG	Bất động sản	19.3	1.32%	1.5	19,614	256.5	401	48.0	21.3%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	28.0	1.82%	1.4	5,593	81.1	3,057	9.2	3.3%	25.2%	
HDG	Bất động sản	32.7	4.64%	1.5	12,098	157.8	938	34.9	20.5%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	42.7	2.40%	1.2	16,205	236.7	4,849	8.8	10.9%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	37.2	1.92%	1.2	18,049	73.1	2,179	17.1	45.6%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	59.0	1.72%	1.2	14,285	31.6	5,474	10.8	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	32.0	0.00%	1.3	5,760	22.5	1,763	18.2	2.7%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	21.3	1.19%	1.5	18,503	81.4	852	25.0	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	211.0	-0.09%	0.9	812,986	439.1	2,287	92.3	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	32.1	0.47%	1.5	72,941	178.9	2,144	15.0	14.7%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.1	-1.17%	0.9	8,067	17.8	1,833	20.8	38.5%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.5	0.00%	0.7	43,835	48.8	2,090	16.5	15.1%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.7	2.10%	1.0	14,842	413.7	1,602	16.7	6.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.7	0.30%	1.2	11,677	25.4	1,262	26.7	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.1	1.69%	1.6	19,827	101.2	1,662	18.1	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.8	-0.16%	0.6	151,533	31.4	5,014	12.5	1.7%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.9	1.36%	0.8	34,894	144.7	812	18.3	2.7%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.4	0.91%	0.7	35,966	23.4	4,776	13.9	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	176.4	0.06%	0.7	104,360	323.9	2,897	60.9	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.1	1.92%	1.5	40,698	413.2	2,313	19.5	8.5%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.5	-0.79%	1.0	26,656	76.4	3,503	17.8	43.1%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	65.0	-1.52%	0.9	10,976	107.7	6,185	10.5	7.7%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.5	0.00%	0.8	8,694	54.7	2,090	8.9	9.2%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	106.3	0.00%	0.0	12,946	46.0	3,139	33.9	4.9%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	90.0	-0.33%	0.8	30,703	19.9	6,921	13.0	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.9	2.30%	0.9	3,238	71.1	2,535	11.4	48.6%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.7	2.07%	1.3	2,536	32.6	2,877	6.9	16.9%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.9	-0.42%	1.1	16,216	57.6	1,212	19.7	4.4%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	28.4	-0.35%	1.7	113,600	64.8	1,569	18.1	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.4	0.00%	1.1	39,769	132.2	1,635	13.1	3.8%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	49.9	2.04%	0.8	149,065	61.8	3,469	14.4	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	-0.35%	0.0	24,534	16.6	2,337	6.1	1.4%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.3	0.00%	1.0	32,756	21.6	1,460	8.4	19.5%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.1	0.59%	1.3	7,631	170.1	571	29.9	5.2%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.4	-1.22%	1.3	7,562	35.0	2,829	10.0	4.1%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.3	-0.46%	0.7	9,805	24.0	1,715	18.8	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.1	-0.63%	0.6	60,409	46.2	3,373	14.0	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.6	-0.34%	1.0	13,153	59.3	6,944	8.4	19.7%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	170.9	-1.10%	0.4	13,990	11.6	14,639	11.7	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	88.0	-0.45%	1.0	8,926	43.6	6,560	13.4	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	92.6	-0.32%	0.9	10,592	65.0	5,128	18.1	5.3%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.2	1.49%	1.2	4,455	31.0	3,037	14.6	5.2%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.6	0.37%	1.4	6,765	54.8	1,106	12.3	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.1	0.68%	1.0	9,069	45.7	1,377	16.0	12.6%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.1	0.84%	1.1	15,580	102.9	6,148	3.9	4.9%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.6	-0.11%	1.2	20,871	56.2	3,090	15.1	3.4%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitíc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>